

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính (“BCTC”) tổng hợp và hợp nhất Quý I/2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai (mã CK: HNG) giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC Tổng hợp và BCTC Hợp nhất Quý I/2021 như sau:

DVT: Ngàn đồng

Chỉ tiêu	BCTC Quý I/2021	BCTC Quý I/2020	Tăng trưởng/(giảm)
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế trên BCTC tổng hợp	(161.386.397)	64.436.898	
Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất	6.626.292	2.851.976	132%

### 1. Báo cáo Tài chính Tổng hợp

Lỗ sau thuế trên BCTC tổng hợp Quý I/2021: 161,4 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ chủ yếu doanh thu giảm và chi phí tài chính tăng so với cùng kỳ.

### 2. Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất Quý I/2021: 6,6 tỷ đồng, chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tài chính.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT





# **HAGL Agrico**

## **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2021

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 34

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.141.296.801</b>	<b>8.820.918.764</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>4.850.032</b>	<b>7.719.915</b>
111	1. Tiền	4	4.850.032	7.719.915
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.009.356.697</b>	<b>8.678.532.010</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.172.787.202	3.534.949.190
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.790.783.376	1.291.579.744
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.528.105.094	1.528.275.548
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.524.155.130	2.335.435.321
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.474.105)	(11.707.793)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>67.495.422</b>	<b>80.011.381</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	71.334.782	83.850.741
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.839.360)	(3.839.360)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>59.594.650</b>	<b>54.655.458</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		22.376	94.885
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	59.285.885	54.274.184
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	286.389	286.389
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>15.880.841.005</b>	<b>15.978.915.798</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.961.778.829</b>	<b>6.691.427.234</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	4.149.882.400	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.340.254.914	5.341.046.797
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	1.471.641.515	1.350.380.437
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>63.884.605</b>	<b>66.589.122</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	58.589.813	61.107.455
222	Nguyên giá		75.985.144	77.225.277
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.395.331)	(16.117.822)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.294.792	5.481.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(685.208)	(498.333)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.624.967</b>	<b>5.624.967</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.624.967	5.624.967
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.844.669.111</b>	<b>9.209.077.973</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	4.656.069.865	9.625.832.393
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1	(100.000.000)	(705.353.666)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.883.493</b>	<b>6.196.502</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.883.493	6.196.502
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>25.022.137.806</b>	<b>24.799.834.562</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.022.292.504</b>	<b>12.638.602.864</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>9.518.338.107</b>	<b>8.928.768.596</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	417.242.845	649.293.236
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	67.252.455	68.279.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	135.756	483.849
314	4. Phải trả người lao động	16	1.856.492	6.836.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	407.877.163	403.053.261
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.149.095.410	1.121.211.542
320	7. Vay ngắn hạn	19	7.474.877.986	6.679.611.050
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.503.954.397</b>	<b>3.709.834.268</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	180.253.161	185.916.164
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	461.313.009	661.265.916
338	3. Vay dài hạn	19	2.862.388.227	2.862.652.188
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.999.845.302</b>	<b>12.161.231.698</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>11.999.845.302</b>	<b>12.161.231.698</b>
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(255.820.648)	(94.434.252)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(94.434.251)	(68.715.644)
421b	- Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này		(161.386.397)	(25.718.608)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>25.022.137.806</b>	<b>24.799.834.562</b>

Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2021

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		320.040.312	491.371.661	320.040.312	491.371.661
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	320.040.312	491.371.661	320.040.312	491.371.661
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(290.585.455)	(404.652.048)	(290.585.455)	(404.652.048)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.454.857	86.719.613	29.454.857	86.719.613
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	160.511.893	177.957.524	160.511.893	177.957.524
22	7. Chi phí tài chính	23	(320.986.463)	(155.162.259)	(320.986.463)	(155.162.259)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(54.658.266)	(135.867.651)	(54.658.266)	(135.867.651)
25	8. Chi phí bán hàng		(26.633.902)	(35.243.089)	(26.633.902)	(35.243.089)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(4.030.623)	(9.832.706)	(4.030.623)	(9.832.706)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(161.684.238)	64.439.083	(161.684.238)	64.439.083
31	11. Thu nhập khác	24	857.403	-	857.403	-
32	12. Chi phí khác	24	(559.562)	(2.185)	(559.562)	(2.185)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	297.841	(2.185)	297.841	(2.185)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(161.386.397)	64.436.898	(161.386.397)	64.436.898
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(161.386.397)	64.436.898	(161.386.397)	64.436.898



Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

Ngày 29 tháng 4 năm 2021




Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2021

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>(161.386.397)</b>	<b>64.436.898</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11,12	2.319.807	1.535.319
03	Các khoản dự phòng		(610.587.354)	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái		4.344.046	20.673.377
05	Lỗi (lãi) từ hoạt động đầu tư		703.131.567	(177.957.523)
06	Chi phí lãi vay	23	54.658.266	135.867.149
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(7.520.065)</b>	<b>44.555.220</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(764.440.386)	(549.889.859)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		12.515.959	(27.771.991)
11	Tăng các khoản phải trả		(185.112.121)	33.878.093
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.385.518	(230.440)
14	Tiền lãi vay đã trả		(53.351.138)	(31.431.788)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(996.522.233)</b>	<b>(530.890.765)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(52.260.690)	-
23	Tiền chi cho vay		-	(420.726.248)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	527.288.356
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.378.620)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		469.684.134	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.323	46.017.895
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>374.048.147</b>	<b>152.580.003</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
33	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền thu từ đi vay		937.940.484	1.515.332.070
	Tiền trả nợ gốc vay		(318.296.931)	(1.176.145.626)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>619.643.553</b>	<b>339.186.444</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>(2.830.533)</b>	<b>(39.124.318)</b>
60	Tiền đầu kỳ	4	7.719.915	43.933.270
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(39.350)	1.064
70	Tiền cuối kỳ	4	4.850.032	4.810.016

Trương Thị Trúc Thiên Trang  
 Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2021

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“HAG”) có tỷ lệ sở hữu là 40,29%. Ngày 8 tháng 1 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 0801/21/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico chấp thuận kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ thành vốn và bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Theo đó, Công ty sẽ chào bán dự kiến 741.446.105 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là THAGRICO, trong đó bao gồm chào bán 550.000.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ thành vốn và 191.446.105 cổ phiếu thu bằng tiền để bổ sung vốn hoạt động. Đồng thời, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc bổ nhiệm Ông Trần Bá Dương làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay cho Ông Đoàn Nguyên Đức. Theo đó, kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty không còn là công ty con của HAG. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, tỷ lệ sở hữu của HAG tại Công ty là 27,01%.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và một (1) chi nhánh. Chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“Hoàng Anh Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“Hoàng Anh Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“Hoàng Anh Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai (“Xuất Nhập khẩu HAGL”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

*Chi nhánh hạch toán phụ thuộc*

Tên chi nhánh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý I năm 2021 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ ("CCDC") và hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như TSCĐ vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.15 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi ngân hàng	4.746.172	7.039.019
Tiền mặt tại quỹ	103.860	680.896
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.850.032</u></b>	<b><u>7.719.915</u></b>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	3.061.036.840	3.397.246.666
Khách hàng khác	111.750.362	137.702.524
	<b><u>3.172.787.202</u></b>	<b><u>3.534.949.190</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	4.149.882.400	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.322.669.602</u></b>	<b><u>3.534.949.190</u></b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.790.783.376	1.291.579.744

Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 1.783.069.025 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (*Thuyết minh số 26*).

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	1.528.105.094	1.528.275.548
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	5.340.254.914	5.341.046.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.868.360.008</u></b>	<b><u>6.869.322.345</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	2.499.354.995	2.300.898.116
Các khoản khác	24.800.135	34.537.205
	<b>2.524.155.130</b>	<b>2.335.435.321</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	1.471.641.515	1.350.380.437
	<b>1.471.641.515</b>	<b>1.350.380.437</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.995.796.645</b>	<b>3.685.815.758</b>

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hàng hóa	45.605.015	60.100.194
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.371.856	21.298.794
Công cụ và dụng cụ	1.315.525	1.373.796
Nguyên vật liệu	1.042.386	1.077.957
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.334.782</b>	<b>83.850.741</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.839.360)	(3.839.360)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>67.495.422</b>	<b>80.011.381</b>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ( tiếp theo)  
Quý I năm 2021

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	39.275.463	26.924.956	6.621.054	2.968.713	1.435.091	77.225.277
Thanh lý, nhượng bán	(878.879)	(361.254)	-	-	-	(1.240.133)
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	38.396.584	26.563.702	6.621.054	2.968.713	1.435.091	75.985.144
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(4.718.799)	(5.458.602)	(4.914.135)	(970.573)	(55.713)	(16.117.822)
Thanh lý, nhượng bán	494.165	361.258	-	-	-	855.423
Khấu hao trong kỳ	(988.997)	(847.797)	(140.572)	(134.372)	(21.194)	(2.132.932)
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	(5.213.631)	(5.945.141)	(5.054.707)	(1.104.945)	(76.907)	(17.395.331)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	34.556.664	21.466.354	1.706.919	1.998.140	1.379.378	61.107.455
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	33.182.953	20.618.561	1.566.347	1.863.768	1.358.184	58.589.813

Ngân VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.980.000
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	<u>5.980.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(498.333)
Hao mòn trong kỳ	<u>(186.875)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	<u>(685.208)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>5.481.667</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	<u>5.294.792</u>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Ngàn VND</i>			
	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	4.656.069.865	(100.000.000)	9.625.832.393	(705.353.666)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>-</u>	<u>2.594.610</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>4.944.669.111</b></u>	<u><b>(100.000.000)</b></u>	<u><b>9.914.431.639</b></u>	<u><b>(705.353.666)</b></u>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngày 31 tháng 3 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Việt Nam") (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp và chăn nuôi bò	-	-	-	3.365.986.867	-
Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp và chăn nuôi bò	100,00	1.081.159.132	-	1.081.159.132	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("Hoàng Anh Đắk Lắk") (*)	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	-	-	-	1.024.313.155	(178.158.008)
Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	943.987.719	-
Công ty TNHH MTV Bò sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên") (*)	Chăn nuôi bò	-	-	-	621.090.049	(427.195.658)
Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	429.893.454	-	388.265.911	-
Xuất Nhập khẩu HAGL	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.656.069.865</b>	<b>(100.000.000)</b>	<b>9.625.832.393</b>	<b>(705.353.666)</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(\*) Vào ngày 18 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong các Công ty con bao gồm HAQM Việt Nam, Bò sữa Tây Nguyên và Hoàng Anh Đắk Lắk cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thagrigo") theo các hợp đồng chuyển nhượng vốn, ngày 8 tháng 1 năm 2021, với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.149.882.400 ngàn VND. Giao dịch chuyển nhượng này được thông qua bởi Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0601/21/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 1 năm 2021.

### 12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

### 12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cảnh Đông Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công cụ và dụng cụ	2.658.691	3.904.235
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.224.802	2.292.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.883.493</b>	<b>6.196.502</b>

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	405.523.518	634.783.871
Phải trả khác	11.719.327	14.509.365
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>417.242.845</b>	<b>649.293.236</b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 394.535.602 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (*Thuyết minh số 26*).

## 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	67.252.455	68.279.069

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 59.748.195 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (*Thuyết minh số 26*).

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
Thuế giá trị gia tăng	59.285.885	54.274.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	285.832	285.832
Thuế nhập khẩu nộp thừa	557	557
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.572.274</b>	<b>54.560.573</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế thu nhập cá nhân	135.756	483.849
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.756</b>	<b>483.849</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	232.898.938	226.894.567
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay phải trả các bên liên quan</i>	149.267.041	148.927.489
Các khoản khác	174.978.225	176.158.694
	<b>407.877.163</b>	<b>403.053.261</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	180.253.161	185.916.164
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>588.130.324</b>	<b>588.969.425</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	1.090.503.330	1.040.470.781
Phải trả khác bên thứ ba	58.592.080	80.740.761
	<b>1.149.095.410</b>	<b>1.121.211.542</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	424.773.070	424.907.998
Phải trả khác bên thứ ba	36.539.939	236.357.918
	<b>461.313.009</b>	<b>661.265.916</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.610.408.419</b>	<b>1.782.477.458</b>



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

## 19. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	5.976.272.740	5.158.215.315
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	1.177.146.948	1.200.749.777
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả (Thuyết minh số 19.5)	197.706.486	196.846.418
Vay ngắn hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	123.751.812	123.799.540
	<b>7.474.877.986</b>	<b>6.679.611.050</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	861.196.410	861.460.371
Vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	2.001.191.817	2.001.191.817
	<b>2.862.388.227</b>	<b>2.862.652.188</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.337.266.213</b>	<b>9.542.263.238</b>
<b>19.1 Vay dài hạn bên liên quan</b>		
		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
HAG	2.001.191.817	2.001.191.817
<b>19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		
		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở Giao dịch Đồng Nai	577.354.392	600.951.992
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	599.792.556	599.797.785
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.177.146.948</b>	<b>1.200.749.777</b>
<b>19.3 Vay ngắn hạn các bên liên quan</b>		
		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thagrigo	5.849.340.902	5.122.729.860
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	91.446.383	-
HAG	35.485.455	35.485.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.976.272.740</b>	<b>5.158.215.315</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

**19. VAY** (tiếp theo)

**19.4 Vay dài hạn ngân hàng**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	722.493.617	722.805.306
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>984.948.222</b>	<b>985.259.911</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	861.196.410	861.460.371
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm</i>	123.751.812	123.799.540

**19.5 Trái phiếu thường trong nước**

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số tiền Ngàn VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	Ngày 4 tháng 6 năm 2020	200.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021
Chi phí phát hành trái phiếu		(2.293.514)	
		<b>197.706.486</b>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm</i>		197.706.486	



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Ngàn VND
<b>Quý I năm 2020</b>				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2019	11.085.538.950	1.170.127.000	(67.515.644)	12.188.150.306
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	64.436.898	64.436.898
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2020</b>	<b>11.085.538.950</b>	<b>1.170.127.000</b>	<b>(3.078.746)</b>	<b>12.252.587.204</b>
<b>Quý I năm 2021</b>				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2020	11.085.538.950	1.170.127.000	(94.434.252)	12.161.231.698
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(161.386.396)	(161.386.396)
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</b>	<b>11.085.538.950</b>	<b>1.170.127.000</b>	<b>(255.820.648)</b>	<b>11.999.845.302</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>320.040.312</b>	<b>491.371.661</b>	<b>320.040.312</b>	<b>491.371.661</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	147.176.968	198.581.169	147.176.968	198.581.169
Doanh thu bán trái cây	120.489.427	209.775.651	120.489.427	209.775.651
Doanh thu bán mù cao su	44.197.729	49.657.521	44.197.729	49.657.521
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	8.176.188	33.357.320	8.176.188	33.357.320

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	160.508.570	177.938.667	160.508.570	177.938.667
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.323	18.857	3.323	18.857
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>160.511.893</b>	<b>177.957.524</b>	<b>160.511.893</b>	<b>177.957.524</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư nông nghiệp	136.292.825	182.419.084	136.292.825	182.419.084
Giá vốn trái cây	103.322.130	145.204.907	103.322.130	145.204.907
Giá vốn mù cào su	43.442.692	46.337.666	43.442.692	46.337.666
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	7.527.808	30.690.391	7.527.808	30.690.391
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>290.585.455</b>	<b>404.652.048</b>	<b>290.585.455</b>	<b>404.652.048</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	257.905.083	-	257.905.083	-
Chi phí lãi vay	53.798.199	135.867.651	53.798.199	135.867.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.487.130	19.294.608	5.487.130	19.294.608
Chi phí phát hành trái phiếu	860.067	-	860.067	-
Chi phí khác	2.935.984	-	2.935.984	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.986.463</b>	<b>155.162.259</b>	<b>320.986.463</b>	<b>155.162.259</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Quý I			Ngàn VND	
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
<b>Thu nhập khác</b>	<b>857.403</b>	-	<b>857.403</b>	-	
Các khoản khác	857.403	-	857.403	-	
<b>Chi phí khác</b>	<b>559.562</b>	<b>2.185</b>	<b>559.562</b>	<b>2.185</b>	
Lỗ thanh lý tài sản	420.385	-	420.385	-	
Các khoản khác	139.177	2.185	139.177	2.185	
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b>297.841</b>	<b>(2.185)</b>	<b>297.841</b>	<b>(2.185)</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I năm 2021</i>	<i>Quý I năm 2020</i>
<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(161.386.397)</b>	<b>64.436.898</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	14.379	(37.360.685)
Các khoản khác	5.092.344	-
<b>(Lỗ) lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>(156.279.674)</b>	<b>27.076.213</b>
Lỗ chuyển sang từ các kỳ trước	-	(27.076.213)
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ</b> <i>(Thuyết minh số 16)</i>	<b>(285.831)</b>	<b>(285.831)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Thagrigo	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Chuyển nhượng công ty con	4.149.882.400
		Vay tiền	551.800.000
		Tăng đi vay (Cần trừ công nợ)	358.185.042
		Giảm đi vay (Bù trừ công nợ)	183.374.000
		Mua hàng hóa	128.323.998
		Phải trả khác	954.138
		Bán hàng hóa	262.475
		Hoàng Anh Attapeu	Công ty con
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ("BHH và CCDV")	133.059.539		
Mua hàng hóa	105.483.029		
Lãi cho vay	87.405.172		
Chi hộ	22.903.601		
Vay tiền	99.759.382		
Thilogi	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	29.446.492
		Trả gốc đi vay	8.313.000
		Lãi đi vay	592.405
		Trả lãi đi vay	252.852
		Hoàng Anh Oyadav	Công ty con
Lãi cho vay	21.037.721		
Chi hộ	7.721.923		
BHH và CCDV	3.172.250		
Mua hàng hóa	2.338.583		
Xuất Nhập khẩu HAGL	Công ty con		
		Mua hàng hóa và dịch vụ ("Mua HH và DV")	397.742
		Lãi cho vay	22.530.186
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cần trừ công nợ	5.290
		HAQM Lào	Công ty con
Lãi cho vay	13.851.830		
BHH và CCDV	1.572.944		
Cần trừ công nợ	1.309.724		
Chi hộ	441.564		
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	11.896.502
		Bán hàng hóa	4.778.987
		Chi hộ	1.115.067
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	11.489.763
		Bán hàng hóa	4.370.008
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("Hoàng Anh Lum Phát")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	6.774.801
		Phải trả khác	13.381
Công ty TNHH MTV An Đông Mía ("An Đông Mía")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	3.815.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
HAG	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ Thanh lý CCDC và TSCĐ BHH và CCDV Mua dịch vụ	3.535.798 1.197.851 18.054 1.005
Các công ty khác	Bên liên quan	Lãi cho vay Cán trừ công nợ Chi hộ Mua dịch vụ	377.907 334.934 101.638 89.466

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 như sau:

***Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)***

Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	BHH và CCDV	765.725.462
Thagrigo	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con Bán hàng hóa	1.880.315.865 280.831.684
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	BHH và CCDV	96.237.420
HAQM Lào	Công ty con	BHH và CCDV	31.320.240
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	4.832.872
HAG	Công ty có cùng thành viên HĐQT	BHH và CCDV	1.240.132
Hoàng Anh Andong Meas	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cung cấp dịch vụ	437.338
Các công ty khác	Công ty con	Bán hàng hóa	95.827
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>3.061.036.840</u></b>

***Phải thu dài hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)***

Thagrigo	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	<u>4.149.882.400</u>
----------	---------------------------------	---------------------------	----------------------

***Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)***

Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	735.498.652
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	558.451.281
Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	251.493.678
Xuất Nhập khẩu HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa	178.096.158
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	50.500.500
Hoàng Anh Andong Meas	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	8.629.747
Hoàng Anh Lum Phát	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	399.009
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.783.069.025</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	858.621.955
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	234.617.379
An Đông Mia	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	154.759.772
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	149.684.000
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	86.253.000
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	28.530.000
HAQM Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	15.638.988
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.528.105.094</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.121.511.143
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	762.449.593
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	656.224.354
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	415.254.509
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	384.815.315
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>5.340.254.914</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	1.361.075.862
		Chi hộ	252.462.534
		Lãi cho vay	193.578.874
Hoàng Anh Andong Meas	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	486.648.578
		Chi hộ	13.195.793
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	53.244.049
		Chi hộ	19.383.279
Hoàng Anh Lumphat	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	38.716.968
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	29.826.878
		Lãi cho vay	16.520.951
		Chi hộ	8.261.150
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	6.735.880
		Chi hộ	43.711
		Cần trừ công nợ	5.290
An Đông Mia	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	6.563.090
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	6.037.200
		Lãi cho vay	911.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2021

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b> (tiếp theo)			
CRD	Công ty con	Chi hộ	3.045.482
HAQM Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	2.562.419
Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	505.440
Heng Brothers	Công ty con	Chi hộ	30.561
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.499.354.995</u></b>
<b><i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.203.268.109
HAQM Lào	Công ty con	Cần trừ công nợ	129.823.545
		Lãi cho vay	22.835.003
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	38.825.163
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	26.592.110
HAQM Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	30.700.993
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	14.454.270
An Đông Mia	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	5.142.322
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.471.641.515</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i></b>			
Thagrigo	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua HH và DV	306.701.378
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	29.696.327
Thilogi	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	17.385.768
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	15.149.385
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	13.634.399
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	10.202.681
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	1.304.422
Các công ty khác	Công ty con	Mua hàng hóa	233.370
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua HH và DV	227.872
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>394.535.602</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2021

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>			
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	<u>59.748.195</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>			
Thagrigo	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ Thu hộ	636.242.847 79.081.944
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cần trừ công nợ	223.220.841
Hoàng Anh Andong Meas	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	97.706.269
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	48.235.988
HAQM Lào	Công ty con	Cần trừ công nợ	6.001.997
Hoàng Anh Lumphat	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu hộ	13.444
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.090.503.330</u></b>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>			
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	275.541.864
HAQM Lào	Công ty con	Cần trừ công nợ	90.012.570
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	37.219.251
HAG	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	21.999.385
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>424.773.070</u></b>

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trương Thị Trúc Thiên Trang  
 Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2021